Hợp tác Đức
DEUTSCHE ZUSAMMENARBEIT

Implemented by
giz Deutsche Gesellschaft für Internationale Zusammenarbeit (GIZ) GmbH

CHƯƠNG TRÌNH ĐỔI MỚI GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP VIỆT NAM

TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN

HƯỚNG DẪN THIẾT KẾ BÀI GIẢNG

TRONG MÔI TRƯỜNG HỌC TẬP KẾT HỢP



HÀ NỘI, THÁNG 12 NĂM 2024

Thông tin chung

Tài liệu hướng dẫn này được xây với sự hỗ trợ của Chương trình Hợp tác Việt-Đức “Đổi mới Giáo dục nghề nghiệp Việt Nam”. Chương trình được tài trợ bởi Bộ Hợp tác Kinh tế và Phát triển Liên bang Đức (BMZ), đồng thực hiện bởi Tổ chức Hợp tác Phát triển Đức (GIZ) cùng với Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp thuộc Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội Việt Nam. Mục tiêu của chương trình là nâng cao chất lượng của Giáo dục nghề nghiệp để thích ứng với thế giới việc làm không ngừng thay đổi, ngày càng trở nên xanh và được số hóa hơn.

Chương trình Đổi mới Đào tạo nghề Việt Nam

Số 1, ngõ 17 Tạ Quang Bửu, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
T: +84 24 397 46 571
E: office.tvet@giz.de
W: www.tvet-vietnam.org / www.giz.de

Đơn vị điều phối: **Chương trình Đổi mới Giáo dục nghề nghiệp Việt Nam**
Phạm Xuân Hoàn - Trưởng hợp phần Chuyển đổi số
Lê Thị Kim Phượng - Trợ lý dự án
Nguyễn Nguyệt Linh - Cán bộ dự án

Tổ biên soạn: **Nhóm tư vấn của GIZ**
TS. Lê Phương Trường
Chuyên gia phát triển Jean Luc Marcellin

GIỚI THIỆU

Chương trình chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp đặt mục tiêu nâng cao chất lượng đào tạo, từ đó cải thiện năng lực nguồn nhân lực có kỹ năng nghề, góp phần tăng năng suất lao động, nâng cao sức cạnh tranh quốc gia trong bối cảnh hội nhập quốc tế (theo Quyết định số 2222/QĐ-TTg ngày 30/12/2021) và đáp ứng những yêu cầu thay đổi của thị trường lao động dưới tác động của chuyển đổi số.

Trước bối cảnh đó, chúng tôi đã biên soạn tài liệu hướng dẫn về "Thiết kế bài giảng trong môi trường học tập kết hợp" nhằm hướng dẫn áp dụng phương pháp thiết kế bài giảng theo quy trình ngược. Phương pháp này đảm bảo quá trình thiết kế khóa học luôn lấy mục tiêu học tập và kết quả mong đợi làm định hướng chính.

Tài liệu này hỗ trợ nhà giáo trong hệ thống giáo dục nghề nghiệp phát triển chuyên môn, đổi mới phương pháp giảng dạy, tận dụng hiệu quả các công cụ số và phát triển các khóa học sáng tạo. Đồng thời, giúp tiết kiệm thời gian thiết kế, nâng cao chất lượng giảng dạy và đáp ứng tốt hơn các yêu cầu thực tiễn.

Tài liệu gồm 6 bài:

Bài 1: Tổng quan
Bài 2: Xác định mục tiêu học tập
Bài 3: Phương pháp đánh giá
Bài 4: Nội dung bài giảng
Bài 5: Tương tác trong khóa học kết hợp
Bài 6: Công cụ số và mục tiêu học tập

Tài liệu hướng dẫn này được thiết kế dành cho nhà giáo giáo dục nghề nghiệp, là một cẩm nang thực tiễn, hữu ích, giúp nhà giáo đáp ứng yêu cầu giảng dạy trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay.

MỤC LỤC

1 Tổng quan

1. Giới thiệu 01
2. Khái niệm dạy học dựa trên mục tiêu học tập 01
3. Học tập kết hợp 02
4. Mô hình lớp học đảo ngược 02
5. Phong cách học tập 02
6. Nội dung giảng dạy 02
7. Thiết kế dạy học 02
8. Phương pháp thiết kế dạy học theo quy trình ngược 03

2 Xác định mục tiêu học tập

1. Khái niệm mục tiêu học tập 04
2. Thang đo mức độ nhận thức BLOOM 05
   - 2.1. Miền kiến thức (Cognitive domain) 06
   - 2.2. Miền Kỹ năng (Psychomotor domain) 07
   - 2.3. Miền thái độ (Affective domain) 07
3. Bảng động từ tương ứng với các miền 08
4. Phương pháp xác định mục tiêu học tập 09
5. Ứng dụng phần mềm để xác định mục tiêu học tập 10

3 Phương pháp đánh giá

1. Giới thiệu 11
2. Các phương pháp đánh giá phổ biến 11
3. Phương pháp đánh giá phù hợp với mục tiêu học tập 16

MỤC LỤC

4 Nội dung bài giảng

1. Giới thiệu 18
2. Phong cách học tập của Kolb 18
3. Các hình thức học trong môi trường học tập kết hợp 19
4. Phương pháp thiết kế khóa học kết hợp dựa trên các hình thức học tập 20
5. Kế hoạch dạy và học cho khóa học kết hợp 20

5 Tương tác trong khóa học kết hợp

1. Giới thiệu 23
2. Tương tác trong khoá học trực tuyến đồng thời 23
3. Tương tác trong khoá học trực tuyến không đồng thời 24
4. Tương tác trong khoá học kết hợp 25

6 Công cụ số và mục tiêu học tập

1. Lựa chọn công cụ số phù hợp với mục tiêu học tập 27
2. Tích hợp công cụ số vào hoạt động dạy và học 28

BÀI 1: TỔNG QUAN

1. Giới thiệu

Phần này nhằm giới thiệu những khái niệm cốt lõi về thiết kế dạy học trong môi trường học tập kết hợp, dành cho nhà giáo trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp. Qua việc tiếp cận các khái niệm, nhà giáo sẽ có sự kết nối với các nội dung của từng chương để xây dựng và triển khai hiệu quả các khoá học trong môi trường kết hợp, đáp ứng tốt hơn nhu cầu thực tiễn, mục tiêu đào tạo và nâng cao trải nghiệm học tập cho người học.

2. Khái niệm dạy học dựa trên mục tiêu học tập

Dạy học dựa trên mục tiêu học tập là phương pháp giáo dục chú trọng vào việc xác định các kết quả học tập mong đợi ở người học, thay vì chỉ tập trung vào nội dung giảng dạy. Spady [1] định nghĩa giáo dục dựa trên mục tiêu học tập là phương pháp tiếp cận tập trung vào việc người học thể hiện thành công những gì đã học được. Cụ thể, kết quả học tập mong đợi là những gì người học có thể làm được, thể hiện ra bên ngoài sau quá trình học tập. Những kết quả này phản ánh năng lực của người học trong việc vận dụng kiến thức, kỹ năng và công cụ học tập. Theo Spady, trong giáo dục dựa trên mục tiêu học tập thì việc người học học được những gì (nội dung học tập) và có thể vận dụng thành công những gì đã học là quan trọng hơn thời điểm và hình thức học.

Đặc điểm của dạy học dựa trên mục tiêu học tập bao gồm những nội dung sau đây:

01 Xác định rõ ràng các mục tiêu và kết quả học tập mong đợi của người học sau mỗi giai đoạn học tập hoặc sau khi hoàn thành một khóa học

02 Mục tiêu học tập phải được thiết kế theo nguyên tắc SMART (Tính cụ thể, đo lường được, tính khả thi, tính liên quan và thời gian thực hiện)

03 Thiết kế chương trình dạy học, hoạt động dạy và học, phương pháp đánh giá phù hợp để đảm bảo người học có thể đạt được mục tiêu học tập

04 Đánh giá định kỳ kết quả học tập của người học dựa trên các mục tiêu đã định sẵn, từ đó có những điều chỉnh kịp thời trong quá trình dạy và học

05 Khuyến khích tính tự chủ, chủ động và tự rèn luyện ở người học

[1]. W. G. Spady, "Outcome-based education," in Critical issues and answers, Arlington, American Association of School Administrators, 1994, pp. 1-8.

3. Học tập kết hợp

Học tập kết hợp là mô hình giáo dục kết hợp giữa học trực tuyến và học trực tiếp, ứng dụng công nghệ nhằm giảm thiểu thời gian thuyết giảng và tăng cường tương tác thông qua các hoạt động của người học. Phương pháp này hỗ trợ người học đạt mục tiêu học tập bằng cách khuyến khích cá nhân hóa quá trình học và hình thành kỹ năng tự học. Thông qua đó, các năng lực cần thiết cho công việc trong tương lai như làm việc nhóm, giao tiếp, và giải quyết vấn đề được phát triển. Mô hình này giúp người học sẵn sàng đáp ứng các yêu cầu thực tiễn của học tập và công việc trong bối cảnh xã hội hiện đại.

4. Mô hình lớp học đảo ngược



Mô hình lớp học đảo ngược là hình thức học tập trong đó người học tự học bài học ở nhà qua các học liệu số, hoàn thành các bài tập hiểu bài. Tại lớp, người học thực hành và thảo luận sâu về bài học. Nhà giáo tổ chức nhiều hoạt động tích cực để kích thích sự sáng tạo của người học. Trong môi trường học tập kết hợp, mô hình lớp học đảo ngược được áp dụng để thiết kế nội dung đào tạo hiệu quả hơn.

5. Phong cách học tập



Phong cách học tập[1] là cách mà cá nhân tiếp nhận, xử lý và ghi nhớ thông tin. Nó có thể bao gồm ưu tiên phương pháp học bằng hình ảnh, âm thanh, thực hành trực tiếp hoặc kết hợp. Xác định phong cách học tập giúp giáo viên và học sinh chọn phương pháp và công cụ phù hợp, nâng cao hiệu quả học tập. Tài liệu này đề cập đến phong cách học tập của Kolb trong Chương 4.

6. Nội dung giảng dạy



Nội dung giảng dạy là tập hợp kiến thức, kỹ năng, thông tin và hoạt động học tập được sắp xếp có mục đích để hỗ trợ người học đạt mục tiêu đào tạo. Nó bao gồm chủ đề chính, khái niệm cốt lõi, bài tập thực hành, ví dụ minh họa và tài liệu tham khảo, giúp đảm bảo hiệu quả và chất lượng trong dạy và học.

7. Thiết kế dạy học



Thiết kế dạy học cho một môn học là quá trình lập kế hoạch chi tiết về mục tiêu, nội dung, phương pháp, phương tiện giảng dạy và đánh giá trong một thời gian nhất định. Quá trình này giúp giáo viên tổ chức hoạt động dạy và học hiệu quả, đảm bảo người học đạt mục tiêu học tập. Tài liệu này giới thiệu phương pháp thiết kế dạy học theo quy trình ngược.

[1] Dunn, R., & Dunn, K. (1978). Teaching Students Through Their Individual Learning Styles: A Practical Approach. Reston, VA: Reston Publishing.

8. Phương pháp thiết kế dạy học theo quy trình ngược

a. Khái niệm

Phương pháp thiết kế dạy học theo quy trình ngược (Backward Design) là cách tiếp cận hiệu quả trong giáo dục dựa trên năng lực. Nhà giáo bắt đầu bằng việc xác định trước kết quả học tập mong đợi (mục tiêu của môn học), sau đó xây dựng hoạt động dạy học và đánh giá phù hợp với các mục tiêu này. Phương pháp này đảm bảo rằng nội dung và phương pháp giảng dạy được định hướng rõ ràng, giúp người học phát triển đúng năng lực cần thiết và đạt được hiệu quả học tập cao nhất.

b. Các bước thực hiện



Lợi ích của thiết kế khoá học theo quy trình ngược

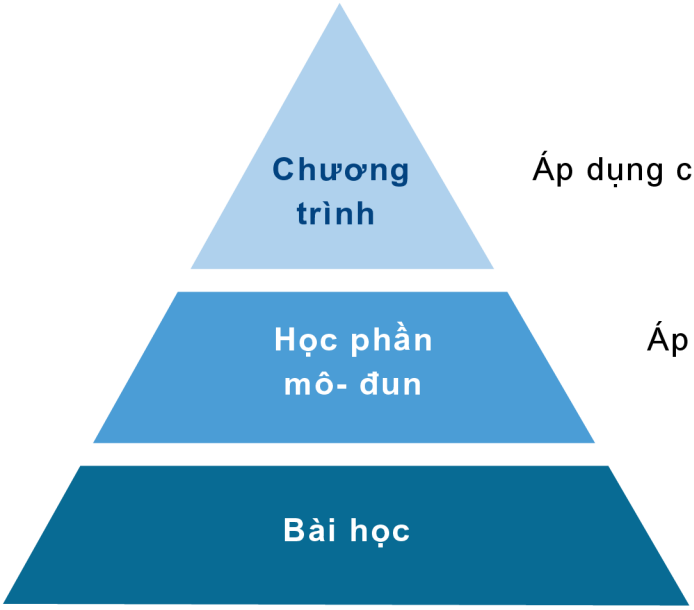
Tập trung vào kết quả: Phương pháp này đảm bảo mọi hoạt đông dạy và học đều hướng đến giúp người học đạt mục tiêu học tập.

Đánh giá có mục tiêu: Các bài kiểm tra và phương pháp đánh giá được thiết kế sao cho trực tiếp đánh giá được mức độ đạt được của các mục tiêu học tập.

BÀI 2
XÁC ĐỊNH MỤC TIÊU HỌC TẬP

1. Khái niệm mục tiêu học tập

Mục tiêu học tập được định nghĩa là những kỹ năng, kiến thức và năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm hoặc thái độ mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình học. Thông thường mục tiêu học tập có 3 cấp độ.



Áp dụng chung cho toàn bộ chương trình học tại một cấp học

Áp dụng riêng cho từng môn học hoặc mô đun

Áp dụng cho từng bài học cụ thể

Kiến thức

Là những thông tin, sự hiểu biết lý thuyết mà người học cần thể hiện thành công sau khóa học

Kỹ năng

Là khả năng vận dụng kiến thức vào thực hiện công việc, giải quyết các vấn đề thực tế

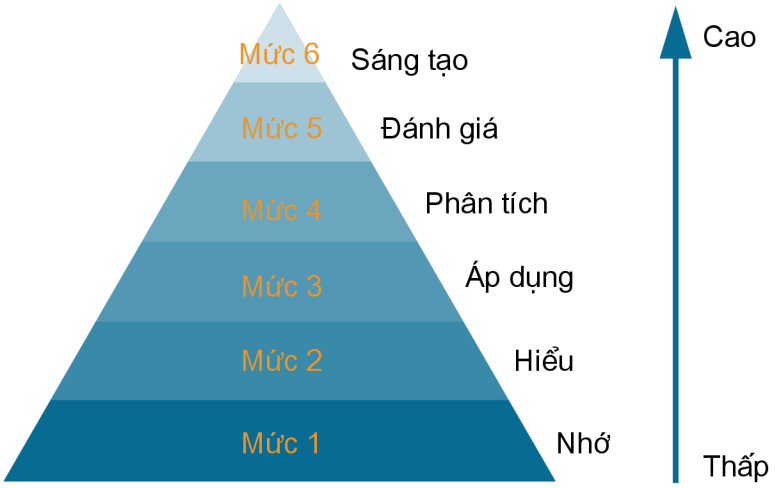
Thái độ

Là cách suy nghĩ, hành xử, ứng xử mà người học cần có được sau khóa học

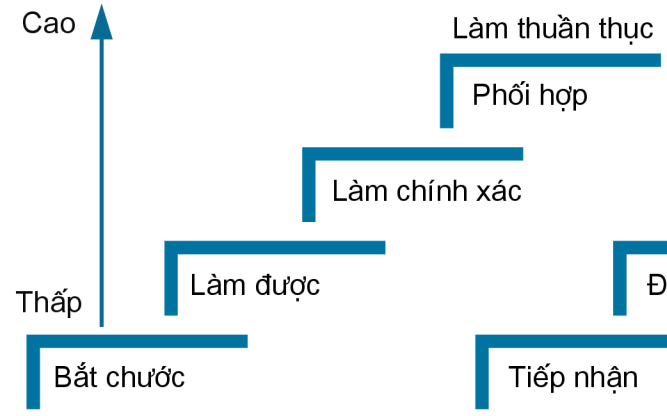
- Mục tiêu học tập của môn học phải được thiết kế theo thang phân loại học tập để đảm bảo tính khoa học và tương thích.
- Mục tiêu học tập phải bắt đầu bằng một động từ hành động + đối tượng và bối cảnh
- Mục tiêu học tập phải được xác định mức độ và miền kiến thức mà chuẩn đầu ra đó áp dụng

2. Thang phân loại học tập BLOOM

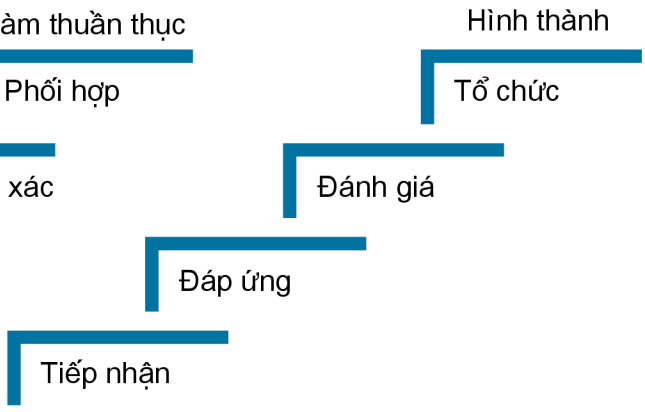
Năm 1956, Benjamin Bloom [1-3] và các đồng nghiệp đã giới thiệu thang phân loại học tập của Bloom. Thang phân loại học tập này nhấn mạnh ba yếu tố cơ bản để đo lường năng lực của người học. Bằng cách phân chia thành ba lĩnh vực, Bloom và nhóm nghiên cứu mong muốn đảm bảo rằng quá trình đánh giá và phát triển năng lực của người học không chỉ tập trung vào khía cạnh kiến thức mà còn bao gồm cảm xúc, thái độ và kỹ năng thực hành, tạo nên một phương pháp tiếp cận toàn diện và đa chiều.



Các cấp độ của miền kiến thức



Các cấp độ của miền kỹ năng



Các cấp độ của miền tthái độ

[1] B. S. Bloom and D. R. Krathwohl, Taxonomy of Educational Objectives: The Classification of Educational Goals. Handbook I: Cognitive Domain. New York, NY, USA: Longmans, Green, 1956.
[2] L. Anderson and D. R. Krathwohl, "Bloom's taxonomy revised - Understanding the new version of Bloom's taxonomy," [Online]. Available: http://www0.sun.ac.za/ctlresources/wp-content/uploads/2018/11/Anderson-and-Krathwohl.-2001.-Extract-from-A-taxonomy-for-learning-teaching-and-assessing-a-revised-Blooms-Taxonomy.pdf. [Accessed: Jan. 1, 2020].
[3] R. H. Dave, Developing and Writing Behavioral Objectives, R. J. Armstrong, Ed. Tucson, AZ, USA: Educational Innovators Press, 1970, pp. 20–21.

2.1. Miền kiến thức (Cognitive domain)

Miền kiến thức tập trung vào khả năng tư duy [1,2], hiểu biết và sử dụng thông tin với sáu cấp độ từ thấp đến cao: **(1) nhớ, (2) hiểu, (3) áp dụng, (4) phân tích,(5) đánh giá, và (6) sáng tạo**, đề cập đến các khía cạnh của quá trình học tập và phát triển nhận thức.



Nhớ

Người học ghi nhớ và nhận dạng thông tin, khái niệm, nguyên tắc, sự kiện một cách chính xác.



Hiểu

Người học giải thích, diễn đạt lại thông tin theo ngôn ngữ, cách hiểu của bản thân.



Áp dụng

Người học áp dụng các lý thuyết, nguyên lý và quy trình để giải quyết các vấn đề trong các bối cảnh khác nhau.



Phân tích

Người học chia thông tin thành các phần nhỏ, xác định, so sánh và giải thích cách các phần tử liên hệ với nhau.



Đánh giá

Người học đưa ra các phán đoán về giá trị của thông tin, ý tưởng hoặc kết quả dựa trên tiêu chí hoặc tiêu chuẩn cụ thể



Sáng tạo

Người học kết hợp các ý tưởng và kỹ năng để tạo ra một sản phẩm hoặc giải pháp mới

Ví dụ: Miền kiến thức có thể được minh họa qua việc nấu món phở. Ở cấp độ nhớ, người học liệt kê các nguyên liệu cơ bản như xương bò, bánh phở, hành,rau thơm và gia vị. Ở cấp độ hiểu, người học giải thích được vì sao cần hầm xương lâu để nước dùng có vị ngọt tự nhiên. Đến cấp độ áp dụng, người học thực hiện nấu nước dùng phở theo hướng dẫn. Ở cấp độ phân tích, người học phân tích hương vị của nước dùng để nhận ra thiếu hoặc thừa gia vị. Tại cấp độ đánh giá, người học đánh giá chất lượng món phở dựa trên hương vị và cách trình bày. Cuối cùng, ở cấp độ tạo ra, người học sáng tạo ra một biến thể của phở như phở chay hoặc phở kết hợp với các nguyên liệu mới lạ.

[1] B. S. Bloom and D. R. Krathwohl, Taxonomy of Educational Objectives: The Classification of Educational Goals. Handbook I: Cognitive Domain. New York, NY, USA: Longmans, Green, 1956.
[2] L. Anderson and D. R. Krathwohl, "Bloom's taxonomy revised - Understanding the new version of Bloom's taxonomy," [Online]. Available: http://www0.sun.ac.za/ctlresources/wp-content/uploads/2018/11/Anderson-and-Krathwohl.-2001.-Extract-from-A-taxonomy-for-learning-teaching-and-assessing-a-revised-Blooms-Taxonomy.pdf. [Accessed: Jan. 1, 2020].

2.2. Miền Kỹ năng (Psychomotor domain)

Miền kỹ năng tập trung vào việc đo lường khả năng thực hiện các kỹ năng vận động và thao tác[1]. Nó bao gồm các cấp độ **(1) bắt chước; (2) làm được (3) làm chính xác (4) phối hợp (5) làm thuần thục.**



Bắt chước

Người học bắt chước hành động, thao tác mà họ thấy, do đó người dạy cần các thao tác mẫu



Làm được

Người học có thể thực hiện một hành động đơn giản mà không cần nhiều sự hỗ trợ



Làm chính xác

Người học có thể thực hiện các kỹ năng với độ chính xác cao và ít hoặc không có sai sót



Phối hợp

Sự phối hợp của nhiều kỹ năng và hành động khác nhau để hoàn thành một nhiệm vụ phức tạp



Làm thuần thục

Người học có thể thực hiện các kỹ năng một cách tự động và hiệu quả, thậm chí trong những tình huống mới hoặc khó khăn

2.3. Miền thái độ (Affective domain)

Miền thái độ liên quan đến cảm xúc, thái độ và giá trị cá nhân. Nó đo lường sự nhận thức, phản ứng, giá trị, tổ chức và kiểm tra giá trị của người học đối với nội dung học tập. Miền này giúp đánh giá sự phát triển không chỉ về kiến thức mà còn về thái độ và giá trị cá nhân. Miền thái độ bao gồm 5 mức.

1. **Tiếp nhận:** Người học nhận thức,chú ý lắng nghe và tiếp nhận thông tin.
2. **Đáp ứng:** Người học thể hiện sự quan tâm, sự tham gia và phản ứng với các hoạt động của người dạy.
3. **Đánh giá:** Người học hiểu và chấp nhận các giá trị, quy tắc,và tiêu chuẩn. Đưa ra những quyết định dựa trên các giá trị của mình.
4. **Tổ chức:** Người học tổ chức các giá trị, tích hợp chúng vào hệ thống niềm tin của mình.
5. **Hình thành:** Người học không chỉ hiểu và chấp nhận các giá trị mà còn sống theo chúng.

[1] R. H. Dave, Developing and Writing Behavioral Objectives, R. J. Armstrong, Ed. Tucson, AZ, USA: Educational Innovators Press, 1970, pp. 20–21.

3. Bảng động từ tương ứng với các miền

Miền kiến thức

01

NHỚ

Giải thích, thảo luận, mô tả, nhận định, minh hoạ, sắp xếp

02

HIỂU

Mô tả, gọi tên, liệt kê,định nghĩa, trình bày, nhắc lại, kể lại

03

ÁP DỤNG

Áp dụng, vận dụng, sử dụng, tính toán, thực hành, thực nghiệm, vận hành

04

PHÂN TÍCH

Phân tích, so sánh, kiểm tra, đối chiếu, chuẩn đoán, chỉ ra, khám phá

05

ĐÁNH GIÁ

Đánh giá, thẩm định, chỉnh sửa, đề xuất, dự báo, khuyến cáo

06

SÁNG TẠO

Thiết lập, tổng hợp, tạo ra, thiết kế, đề xuất, sản xuất

Miền kỹ năng

Bắt chước
Quan sát, tuận thủ, làm theo, sao chép, bắc chước, nhắc lại

Làm được
Làm, thực hiện, thi hành, tái hiện lại, trình diễn

Làm chính xác
Kiểm tra, sử dung, làm, thực hiện, hoàn thiện, tích hợp

Phối hợp
Thích ứng, làm quen, phối hợp, sắp xếp, thiết kế, hiệu chỉnh, giải quyết, sản xuất

Làm thuần thục
Thiết kế, phát triển, phát minh, hỗ trợ, sửa chữa, quản lý



Miền thái độ

Tiếp nhận
Công nhận, nhận biết, chấp nhận, hỏi, tuân thủ, lắng nghe, nhìn nhận

Đáp ứng
Hành xử, phản ứng, làm rõ, tuân theo, xem xét, dò xét, lựa chọn, luyện tập, bày tỏ, thuộc lòng, tán thành, tình nguyện

Đánh giá
Thích ứng, cân bằng, phản kháng, đối chiếu, bảo vệ, biện hộ, thừa nhận

Tổ chức
Thay đổi, điều chỉnh, tổ chức, hình thành, thiết lập, trung thành

Hình thành
Biểu lộ, biện hộ, kiểu mẫu, xác nhận giá trị, duy trì, cống hiến

4. Phương pháp xác định mục tiêu học tập

Mục tiêu của môn học/ mô đun và bài học thường được thực hiện theo công thức: **Động từ + đối tượng + bối cảnh** và theo 4 bước sau đây:

01 Xác định miền năng lực học tập của người học (kiến thức, kỹ năng và thái độ) theo thang đo mức độ nhận thức Bloom cho mục tiêu học tập.

02 Xác định cấp độ của mục tiêu tương ứng với các miền.

03 Lựa chọn động từ phù hợp với mức độ nhận thức và miền năng lực, để xác định mục tiêu học tập.

04 Áp dụng công thức: Động từ + đối tượng + bối cảnh để xác định.

Ví dụ: Sau khi kết thúc môn học người học có thể: **Thiết kế hệ thống điện mặt trời dân dụng**

1.Cấu trúc của mục tiêu học tập

Theo mô hình thiết kế mục tiêu học tập, mục tiêu này được xây dựng theo công thức:

- **Động từ hành động:** Thiết kế
- **Đối tượng:** Hệ thống điện mặt trời
- **Bối cảnh:** Dân dụng (hệ thống được áp dụng cho hộ gia đình, tòa nhà nhỏ hoặc quy mô phi công nghiệp)

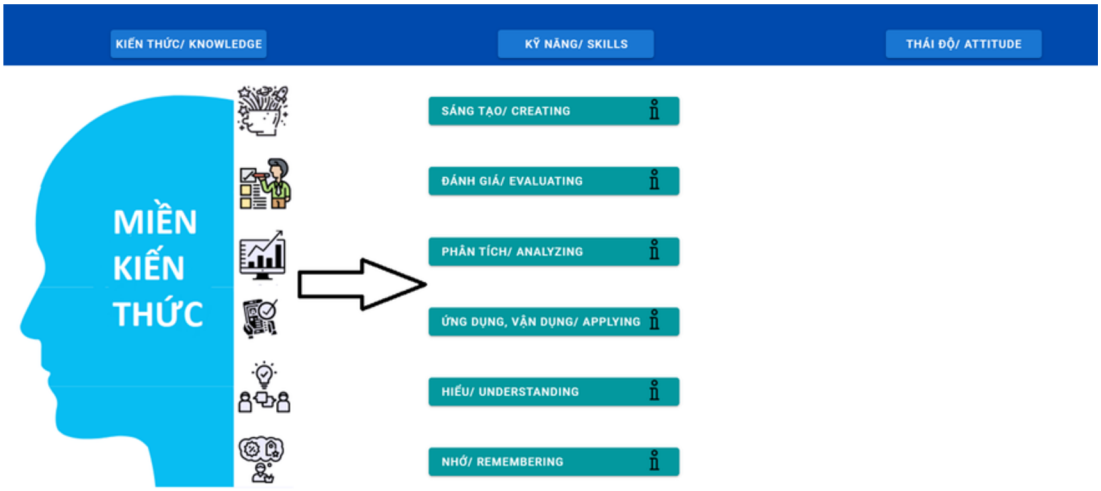
2. Phân loại theo thang Bloom

Động từ "Thiết kế" nằm ở cấp độ 6 trong lĩnh vực nhận thức (Cognitive Domain) theo phân loại của Bloom. Đây là cấp độ cao nhất, yêu cầu người học phải tổng hợp kiến thức và kỹ năng để tạo ra một sản phẩm hoặc giải pháp mới.

5. Ứng dụng phần mềm để xác định mục tiêu học tập

Bước 1: Truy cập vào link

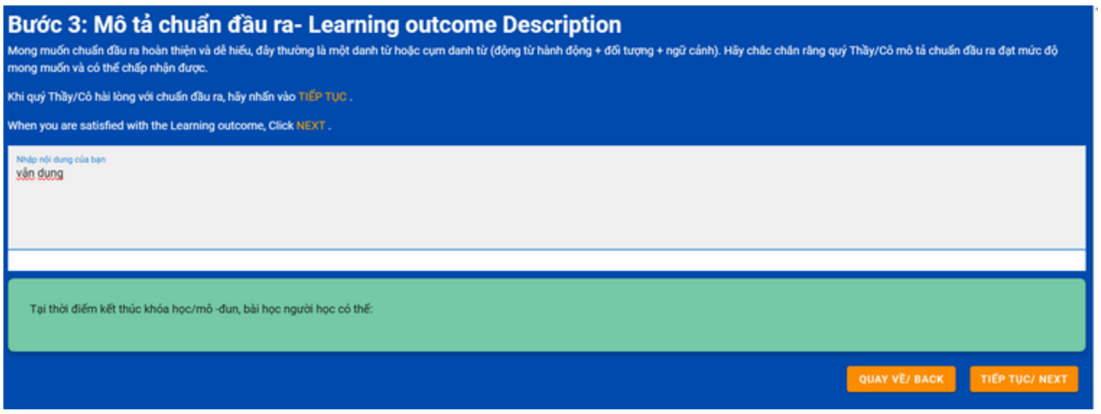
Bước 2: Xác định miền năng lực người học bằng cách click chuột vào miền tương ứng (Kiến thức, kỹ năng hoặc thái độ)



Bước 3: Lựa chọn cấp độ tương ứng với các miền phù hợp với mức độ nhận thức và miền năng lực, để xác định mục tiêu học tập.



Bước 4: Lựa chọn động từ phù hợp với mức độ nhận thức và miền năng lực, để xác định mục tiêu học tập.



Bước 5: Nhập đối tượng và bối cảnh để hoàn thành mục tiêu học tập

BÀI 3
PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ

1. Giới thiệu

Để đánh giá người học thông thường người dạy áp dụng hình thức đánh giá trực tiếp hoặc gián tiếp. Đánh giá trực tiếp là người dạy áp dụng các phương pháp đánh giá đòi hỏi người học phải chứng minh hoặc thể hiện các kết quả hoặc mục tiêu học tập. Phương pháp đánh giá gián tiếp là người học hoặc một người khác báo cáo nhận thức về việc người học đã đạt được một mục tiêu hoặc kết quả học tập như thế nào [1]. Trong phần này giới thiệu các phương pháp đánh giá trực tiếp tương ứng với các mức độ nhận thức theo thang đo Bloom.

Khi thiết kế phương pháp đánh giá người học, người dạy cần phải đảm bảo tính công bằng, giá trị và hiệu lực.

1. **Công bằng:** Đảm bảo tất cả các người học được đánh giá như nhau và phản ánh đúng những gì người học đã thể hiện trong kỳ đánh giá.
2. **Giá trị:** Đảm bảo rằng các câu hỏi đánh giá trong kỳ đánh giá liên quan đến kiến thức, kỹ năng và thái độ cần đo lường của môn học. Không nên thêm bất cứ thứ gì khác và được hội đồng khoa học Khoa thông qua.
3. **Tính hiệu lực:** Các câu hỏi trong kỳ đánh giá được hội đồng Khoa học Khoa thông qua và còn hiệu lực.

2. Các phương pháp đánh giá phổ biến[2]

Trong giáo dục hiện đại, hiểu và áp dụng các phương pháp đánh giá người học là rất quan trọng để theo dõi tiến bộ và cải thiện chất lượng dạy và học. Dưới đây là một số phương pháp đánh giá phổ biến.



Thăm dò kiến thức

Trong buổi đầu khóa, nhà giáo yêu cầu người học liệt kê môn học trước mà có liên quan đến môn học chuẩn bị học và sử dụng thăm dò kiến thức cơ bản qua bảng câu hỏi ngắn, đúng/sai hoặc nhiều lựa chọn. Cách này giúp thu thập phản hồi cụ thể và hữu ích trước khi giới thiệu chủ đề mới.



Tự giải thích

Nhà giáo cung cấp cho người học một đề cương với các tiêu đề trống hoặc tài liệu liên quan đến bài học đã hoàn thành một phần hoặc bài tập về nhà đã chuẩn bị trước trong lớp và dành cho họ một lượng thời gian hạn chế để điền vào các khoảng trống. Phương pháp này người học sẽ tổ chức nội dung học tập tốt hơn.

[1] Phương pháp đánh giá, trực tuyến tại https://academicprograms.calpoly.edu/content/assessment-methods
[2] Angelo, T.A., & Cross, K.P. (1993). Classroom assessment techniques: A handbook for college teachers. San Francisco: Jossey-Bass.

Câu hỏi Trắc nghiệm (Multiple choice)



Bài kiểm tra trắc nghiệm khách quan gồm câu hỏi đúng-sai, gần đúng hoặc các loại đối sánh. Mỗi câu có một câu chính (phần gốc) và các câu thay thế, với một câu đúng và các câu đánh lạc hướng.

Câu trả lời ngắn (Short answer)



Các câu hỏi trả lời ngắn yêu cầu một câu trả lời ngắn gọn bao gồm một cụm từ, câu hoặc một đoạn ngắn.

Vấn đáp



Kiểm tra vấn đáp là một hình thức đánh giá trong đó nhà giáo trực tiếp đặt câu hỏi và người học trả lời. Đây là phương pháp kiểm tra mang tính tương tác cao, giúp nhà giáo đánh giá nhanh chóng kiến thức, kỹ năng tư duy và khả năng diễn đạt của người học thông qua giao tiếp trực tiếp.

Hồ sơ năng lực (Portfolio)



Phương pháp đánh giá hồ sơ năng lực là bộ sưu tập các mẫu bài viết, các bài tự đánh giá của người học và các tuyên bố về mục tiêu phản ánh sự tiến bộ của người học. Người học thường chọn các chủ đề để đưa vào danh mục hồ sơ năng lực, nhưng nhà giáo cũng có thể đề nghị đưa các chủ đề cụ thể. Hồ sơ năng lực là công cụ mạnh mẽ cho phép người học xem tiến trình học tập của mình từ lớp này sang lớp khác.

Viết bài luận (Essay)



Bài luận yêu cầu người học lựa chọn và tích hợp tài liệu về một chủ đề, giúp nhà giáo kiểm tra kỹ năng viết, phát triển lập luận và sử dụng dẫn chứng. Độ dài bài luận có thể từ một trang (300 từ) đến mười trang (3000 từ) và có thể viết trong điều kiện thi hoặc được chuẩn bị trước.

Thực hành (Performance test)



Người học làm theo sự hướng dẫn của nhà giáo, người học thực hiện nhiệm vụ, bài tập trong phòng thực hành, xưởng hoặc thí nghiệm để được đánh giá kỹ năng và hiệu quả công việc. Nhà giáo cần chú trọng quan sát quá trình làm và kết quả thực tế.

Viết báo cáo (Report)



Báo cáo là phương tiện phổ biến để trình bày thông tin và kết luận liên quan đến mục đích cụ thể. Chúng được viết dựa trên việc thu thập và phân tích dữ liệu theo phương pháp chuyên ngành. Báo cáo có thể áp dụng trong đánh giá thí nghiệm, công việc thực địa, thực tập dianh nghiệp hoặc nghiên cứu điển hình.

Dự án (Project)



Dự án là công việc mở rộng dựa trên yêu cầu, có thể do nhà giáo chỉ định hoặc từ các bên liên quan. Các dự án có thể nhỏ hoặc lớn, thực hiện cá nhân hoặc nhóm, và kết quả là báo cáo, thiết kế, tác phẩm nghệ thuật, áp phích hoặc sản phẩm ứng dụng.

Thuyết trình (Presentation)



Bài thuyết trình là việc trình bày trước lớp về một chủ đề đã chuẩn bị, sử dụng công cụ hỗ trợ như PowerPoint. Đánh giá có thể cá nhân hoặc nhóm. Các hình thức thuyết trình bao gồm nhập vai, hoạt động nhóm, hội thảo, thuyết trình hội nghị, tranh luận, trình bày sản phẩm và phần hỏi đáp.

Áp phích (Poster)



Áp phích là hình ảnh thể hiện chủ đề hoặc kết quả của một hoạt động học tập. Áp phích có thể sử dụng các phương tiện khác nhau, bao gồm cả công nghệ học tập, nó có thể được tạo theo từng cá nhân hoặc theo nhóm.

Nghiên cứu tình huống (Case studies)



Nghiên cứu tình huống giúp người học khám phá và áp dụng kỹ năng, lý thuyết trong thực tế. Tình huống có thể là thực tế hoặc giả thuyết. Người học phân tích và phản hồi cá nhân, thường trình bày dưới dạng báo cáo hoặc thuyết trình. Nhà giáo đánh giá cách người học sử dụng kỹ năng và lý thuyết trong việc nghiên cứu tình huống cụ thể.

Tự luận



Người học phải trả lời các câu hỏi bằng cách trình bày ý tưởng, phân tích, hoặc lập luận của riêng mình hoặc giải các bài toán. Khác với câu hỏi trắc nghiệm, đánh giá tự luận yêu cầu người học diễn đạt câu trả lời bằng văn bản, thường không giới hạn trong một lựa chọn đúng sai, mà tập trung vào khả năng hiểu, áp dụng và phản biện.

Tóm tắt một câu (One Sentence Summary)

Kỹ thuật này giúp phát triển tư duy cấp cao và kiểm tra khả năng tổng hợp của người học. Người học trả lời các câu hỏi như "Ai?", "Làm gì?", "Đối với ai?", "Khi nào?", "Ở đâu?", "Bằng cách nào?", "Tại sao?" rồi ghép lại thành câu tóm tắt hoàn chỉnh. Ví dụ, sinh viên y tá tóm tắt tình huống bệnh nhân giả định, hoặc sinh viên kỹ thuật tóm tắt động lực học chất lỏng trong tình huống cụ thể.

Bài tập giải quyết vấn đề (Problem Solving Task)

Giáo viên yêu cầu học sinh giải quyết các vấn đề trong phạm vi hẹp, sử dụng các quy tắc hoặc kỹ thuật phù hợp. Ví dụ: học sinh có thể thực hiện một thí nghiệm, giải quyết nhiệm vụ dựa trên giả thuyết hoặc xử lý tình huống giả định để áp dụng kiến thức đã học vào thực tế.

Phỏng vấn (Interview)



Nhà giáo tổ chức một cuộc họp chính thức để thu thập thông tin từ người học hoặc nhóm người học. Ví dụ: nhà giáo có thể phỏng vấn người học trực tiếp hoặc thông qua ban giám khảo. Người học cũng có thể thực hiện phỏng vấn đối với một đối tượng xác định để trau dồi kỹ năng giao tiếp và thu thập thông tin.

Thực hành tại nơi làm việc (Placement performance)

Người học áp dụng kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp vào thực tế tại nơi làm việc hoặc cộng đồng. Việc đánh giá có thể do nhà giáo hoặc giám sát viên ngành nghề thực hiện, hoặc kết hợp cả hai.
Ví dụ: thực tập, chương trình nghề, kinh nghiệm thực địa, thực tập lâm sàng, dịch vụ cộng đồng, kinh nghiệm chuyên môn, giáo dục hợp tác

Thiết kế (Design)

Thiết kế mô hình 2D hoặc 3D
Ví dụ: bản vẽ, phông nền, bản kế hoạch nội thất, bản thiết kế tòa nhà, phần mềm, mô hình tỷ lệ (mock-up), sơ đồ khái niệm, v.v...

Quan sát trực tiếp



Đánh giá bằng phương pháp quan sát trực tiếp là cách nhà giáo theo dõi trực tiếp việc người học thực hiện một nhiệm vụ cụ thể. Qua đó, nhà giáo nắm bắt cách người học áp dụng kiến thức, xử lý tình huống, làm việc nhóm và vận dụng kỹ năng vào thực tế. Từ những quan sát này, nhà giáo có thể đưa ra phản hồi, nhận xét cụ thể, giúp người học nâng cao năng lực một cách rõ ràng và hiệu quả hơn.

Thực hiện nhiệm vụ đơn giản



Phương pháp đánh giá thực hiện nhiệm vụ đơn giản là cách kiểm tra năng lực người học thông qua việc yêu cầu họ hoàn thành một nhiệm vụ cụ thể, rõ ràng và dễ thực hiện. Nhiệm vụ này thường tập trung vào một kỹ năng hoặc kiến thức nhất định, giúp nhà giáo quan sát trực tiếp quá trình và kết quả, từ đó đưa ra nhận xét, đánh giá chính xác, cũng như phản hồi để người học cải thiện. Phương pháp này phù hợp với các hoạt động thực hành hoặc ứng dụng thực tế.

Bài tập thực hành cơ bản



Phương pháp bài tập thực hành là cách đánh giá trong đó người học thực hiện các bài tập hoặc hoạt động cụ thể nhằm áp dụng kiến thức và kỹ năng đã học vào thực tế. Thông qua quá trình thực hành, nhà giáo có thể đánh giá mức độ hiểu bài, khả năng vận dụng, và kỹ năng giải quyết vấn đề của người học. Phương pháp này khuyến khích sự chủ động, rèn luyện kỹ năng và tăng cường khả năng làm việc thực tiễn.

3. Phương pháp đánh giá phù hợp với mục tiêu học tập

Cấp độ Bloom miền kiến thức	Phương pháp đánh giá	Giải thích lý do lựa chọn
Nhớ	Câu trả lời ngắn, câu hỏi trắc nghiệm, bài tập giải quyết vấn đề	Các phương pháp này phù hợp để kiểm tra khả năng nhớ và nhận diện thông tin, giúp đánh giá kiến thức cơ bản.
Hiểu	Trắc nghiệm giải thích, tự luận, phản hồi một phút, nghiên cứu tình huống	Các phương pháp này người học phải diễn giải và ứng dụng ý tưởng bằng cách giải thích hoặc thảo luận.
Áp dụng	Tự luận, hồ sơ năng lực, bài tập thực hành, thực hành tại nơi làm việc, dự án, thiết kế	Những phương pháp này yêu cầu người học áp dụng kiến thức để giải quyết vấn đề thực tế, thể hiện khả năng vận dụng linh hoạt.
Phân tích	Báo cáo, thuyết trình dự án, nghiên cứu tình huống, bài tập giải quyết vấn đề	Phương pháp này đòi hỏi người học phân tích, so sánh và đưa ra mối quan hệ giữa các ý tưởng hoặc thông tin.
Đánh giá	Nghiên cứu tình huống, áp phích, thuyết trình dự án, bài luận, phản hồi tự đánh giá	Đánh giá khả năng phản biện, đưa ra ý kiến có căn cứ và xem xét giá trị của các giải pháp hoặc thông tin được trình bày.
Sáng tạo	Nghiên cứu tình huống, áp phích, thuyết trình dự án, thiết kế, dự án	Những phương pháp này yêu cầu sự sáng tạo, đổi mới trong cách tiếp cận và khả năng tạo ra sản phẩm hoặc giải pháp mới.

Cấp độ Bloom miền kỹ năng	Phương pháp đánh giá	Giải thích lý do lựa chọn
Bắt chước	Thực hành, quan sát trực tiếp	Đánh giá khả năng làm theo hướng dẫn hoặc sao chép thao tác mẫu.
Làm được	Thực hiện nhiệm vụ đơn giản, bài tập thực hành	Đánh giá khả năng thực hiện các nhiệm vụ đơn giản một cách độc lập.
Làm chính xác	Bài kiểm tra hiệu suất, thực hành tại nơi làm việc	Đánh giá độ chính xác và hiệu quả khi thực hiện các kỹ năng cụ thể.
Phối hợp	Dự án nhóm, phối hợp trong nghiên cứu tình huống phức tạp	Đòi hỏi người học phối hợp nhiều kỹ năng khác nhau để giải quyết nhiệm vụ.
Làm thuần thục	Thiết kế mô hình, sáng tạo sản phẩm, thực hiện dự án thực tế	Đánh giá khả năng sáng tạo và thực hiện kỹ năng một cách thuần thục, hiệu quả trong thực tế.

BÀI 4
NỘI DUNG BÀI GIẢNG

1. Giới thiệu

Phần này tập trung vào việc hướng dẫn thiết kế nội dung bài giảng sao cho phù hợp với mục tiêu học tập và phương pháp đánh giá đã xác định. Ngoài ra, chương còn đề cập đến việc thiết kế các hoạt động dạy và học dựa trên các phong cách học tập khác nhau. Hiểu rõ sự đa dạng về phong cách học tập sẽ giúp nhà giáo lựa chọn các hoạt động phù hợp với từng đối tượng trong lớp học. Việc này sẽ tăng cường khả năng tiếp thu và đảm bảo tất cả người học đều có cơ hội phát triển tối ưu.

2. Phong cách học tập của Kolb

David A. Kolb đã phát triển nhiều nghiên cứu về phong cách học tập dựa trên lý thuyết học tập trải nghiệm (Experiential Learning Theory). Kolb cho rằng mỗi cá nhân tiếp nhận và xử lý thông tin khác nhau trong quá trình học. Kolb đề xuất mô hình học tập trải nghiệm (Experiential Learning Model), dựa trên hai chiều chính tiếp nhân thông tin và xử lý thông tin. Dựa trên hai chiều này, Kolb đưa ra bốn phong cách học tập đặc trưng [1] Cụ thể như sau:



Phong cách phân kỳ (Cảm nhận và Quan sát)
Người học nhạy cảm, thích quan sát, thu thập thông tin, sử dụng trí tưởng tượng để giải quyết vấn đề và nhìn nhận tình huống từ nhiều góc độ.



Phong cách đồng hóa (Quan sát và Suy nghĩ)
Người học thích sự logic, ngắn gọn, quan trọng ý tưởng và khái niệm, cần giải thích rõ ràng. Họ sẽ biến các vấn đề phức tạp thành những vấn đề đơn giản, dễ hiểu, xúc tích.



Phong cách hội tụ (Làm và Suy nghĩ)
Người thích học theo phong cách này thích được trải nghiệm và giải quyết các vấn đề cụ thể như là tự tay giải các bài tập thông qua các ví dụ, thiết kế các ý tưởng dựa trên những mẫu cho trước.



Phong cách thích nghi (Làm và Cảm nhận)
Người học theo phong cách này thích kết nối các bài học với những vấn đề cụ thể. Họ thích làm các thí nghiệm, thực hành, không thích những buổi lý thuyết thuần.

[1] Kolb, D. A. (2007). The Kolb learning style inventory. Boston, MA: Hay Resources Direct.

3. Các hình thức học trong môi trường học tập kết hợp

Trong mô hình học tập kết hợp, người dạy dựa trên mục tiêu học tập và các hoạt động của người học để thiết kế các học liệu phù hợp. Laurillard, D.[1] đã nghiên cứu và giới thiệu 6 hình thức học tập, giúp người dạy dễ dàng thiết kế các khóa học sáng tạo. Điểm nổi bật của các hình thức này là người dạy có thể xây dựng các khóa học hiệu quả mà không cần có kinh nghiệm trước về thiết kế học tập. Cụ thể như sau:



Tiếp nhận
Học bằng cách nghe, đọc hoặc xem

Người học đọc, xem, nghe giảng giải hoặc minh họa từ người dạy. Điều này có nghĩa là người học không có bất cứ hoạt động nào.



Truy vấn
Học bằng cách tự tìm hiểu

Người học khám phá, so sánh, phản biện và điều chỉnh cấu trúc khái niệm bằng cách đặt câu hỏi, điều tra, phân tích, diễn giải và tổng hợp tài nguyên giảng dạy.



Hợp tác
1+1=3

Xây dựng kiến thức thông qua việc điều tra, thu thập thông tin và cộng tác qua thảo luận, thực hành hoặc sản xuất.



Thảo luận
Học tập thông qua thảo luận

Người học diễn đạt ý kiến và câu hỏi của họ, đặt ra thách thức và phản ứng với ý kiến và câu hỏi từ người dạy và bạn bè của họ..



Sản Phẩm
Học bằng cách tạo ra sản phẩm

Người học củng cố những gì họ đã học bằng cách tạo ra một sản phẩm, tạo ra một biểu đồ của việc học này



Thực hành
Học bằng cách tự tìm hiểu

Người học áp dụng sự hiểu biết khái niệm của mình vào công việc hiện tại, đưa lý thuyết vào thực tiễn và cải thiện sự hiểu biết của họ.

[1] Laurillard, D. (2012). Teaching as a design science: building pedagogical patterns for learning and technology. London: Routledge.

4. Phương pháp thiết kế khóa học kết hợp dựa trên các hình thức học tập

Để xây dựng một khóa học kết hợp, thường tuân theo các bước sau:

Bước 1: Căn cứ vào mục tiêu học tập và phương pháp đánh giá đã xác định xây dựng các nội dung của bài học
Bước 2: Chọn lọc các nội dung mà người học cần học trước khi lên lớp, thường là các video bài giảng, bài đọc, bài học trực tuyến.
Bước 3: Thiết kế các hoạt động trước khi lên lớp (Sử dụng các kỹ thuật tương tác trong khoá học trực tuyến không đồng bộ)
Bước 4: Lên kế hoạch cho hoạt động phần học trên lớp. (Sử dụng thời gian trên lớp để thực hành, thảo luận, và giải quyết các vấn đề phức tạp liên quan đến nội dung mà người học đã tự học. Thiết kế các hoạt động tương tác trên lớp.
Bước 5: Thiết kế các hoạt động sau giờ trên lớp. Thường là các bài tập về nhà, dự án hoặc bài kiểm tra.
Bước 6: Xây dựng các phương pháp đánh giá người học để theo giõi quá trình học tập và tiến độ đạt được mục tiêu học tập. Thu thập phản hồi của người học để cải tiến khoá học nếu cần thiết.

5. Kế hoạch dạy và học cho khóa học kết hợp

Để thiết kế một khóa học kết hợp, bản kế hoạch nên được trình bày theo các giai đoạn cụ thể như: giai đoạn học trước, giai đoạn học trên lớp và giai đoạn sau giờ học. Các chi tiết của từng giai đoạn được thể hiện rõ ràng trong bảng dưới đây.

			
Liệt kê các hoạt động người học, học trước giờ lên lớp, đánh giá nếu có	Nội dung người học sẽ học trực tuyến đồng thời	Liệt kê các hoạt động người học phải hoạt động trên lớp	Liệt kê các hoạt động người học phải thực hiện sau giờ lên lớp

Ví dụ:
Bài 1: Lắp ráp mạch điện dân dụng

			
Xem video (Giới thiệu mạch điện dân dụng, Các thành phần của mạch điện **Đọc tài liệu:** Nguyên lý hoạt động của mạch chiếu sáng điều khiển 3 vị trí		**Thảo luận:** Nguyên lý hoạt động của mạch chiếu sáng 3 vị trí và ứng dụng của nó. **Thực hành:** Lắp đặt mạch chiếu sáng 3 vị trí	**Bài tập về nhà:** Vẽ mạch điều khiển nhiều vị trí và liệt kê ứng dụng của các mạch điện này

THỰC HÀNH
THIẾT KẾ KHOÁ HỌC KẾT HỢP

B1: Xác định muc tiêu học tập:
Muc tiêu 1:.....
Mục tiêu 2:.....
Mục tiêu 3:.....

Bước 2: Xác định phương pháp đánh giá phù hợp với mục tiêu học tập

.....
.....
.....
.....

Bước 3: Chọn lọc các nội dung người học phải học trước khi lên lớp

.....
.....
.....
.....

Bước 4: Thiết kế các hoạt động trước khi lên lớp

.....
.....
.....
.....

Bước 5: Lên kế hoạch các hoạt động trên lớp

.....
.....
.....
.....

Bước 6: Thiết kế các hoạt động sau giờ lên lớp

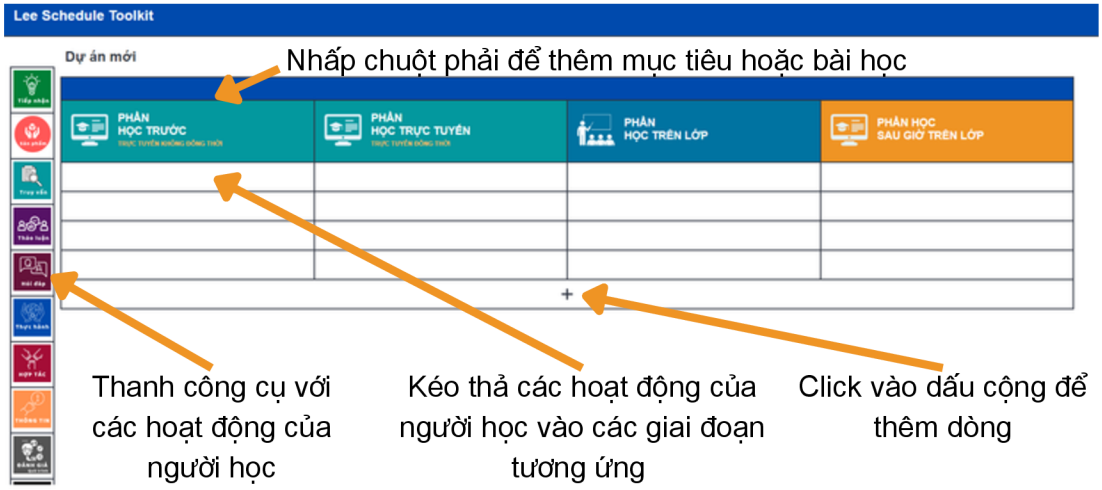
.....
.....
.....
.....

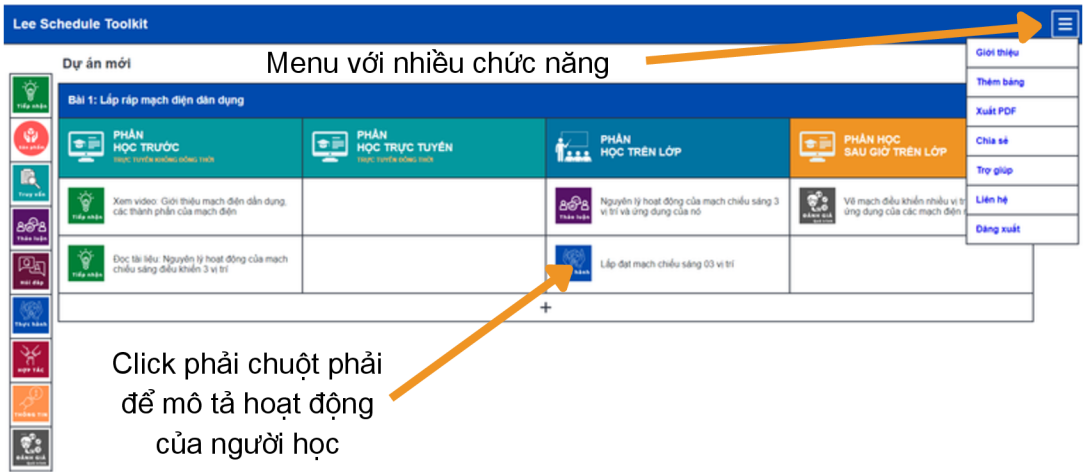
THỰC HÀNH
THIẾT KẾ KHOÁ HỌC KẾT HỢP

Ứng dụng phần mềm thiết kế khoá học kết hợp

Phần mềm thiết kế khóa học kết hợp được xây dựng dựa trên các hoạt động của người học và mô hình lớp học đảo ngược, bao gồm ba giai đoạn: giai đoạn trước buổi học, giai đoạn trong lớp học, và giai đoạn sau giờ học. Truy cập vào link sau để thiết kế https://www.

Khi truy cập vào phần mềm Thầy/Cô đăng ký tài khoản, Thầy/Cô có thể kéo thả các hoạt động của người học vào các giai đoạn tương ứng. Để thêm nội dung hoặc tùy chỉnh các hoạt động, hãy nhấp chuột phải vào các biểu tượng. Giao diện của phần mềm được hiển thị như hình dưới đây:

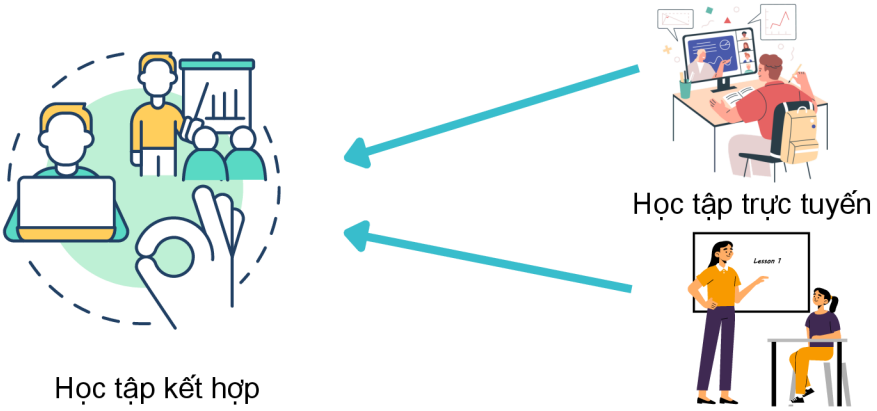




BÀI 5
TƯƠNG TÁC TRONG KHOÁ HỌC KẾT HỢP

1. Giới thiệu

Tương tác là yếu tố quan trọng giúp duy trì động lực và nâng cao hiệu quả học tập. Trong khóa học kết hợp, tương tác trực tuyến đồng thời cho phép trao đổi ý kiến tức thời giữa nhà giáo và người học, trong khi tương tác không đồng thời mang lại sự linh hoạt qua thảo luận trên diễn đàn và tự học. Bên cạnh đó, tương tác trực tiếp trên lớp hỗ trợ thực hành, thảo luận nhóm và đánh giá. Sự kết hợp các hình thức này sẽ tăng cường gắn kết, và khuyến khích người học chủ động, phát triển kỹ năng và đạt được mục tiêu học tập một cách hiệu quả.



2. Tương tác trong khoá học trực tuyến đồng thời.

Khoá học trực tuyến đồng thời là hoạt động đào tạo trực tuyến, ở đó nhà giáo và người học cùng tham gia các hoạt động đào tạo tại cùng một thời điểm (thời gian thực) trên cùng một không gian học tập. Tương tác hiệu quả trong lớp học trực tuyến đồng thời đòi hỏi sự kết hợp giữa các phương pháp sư phạm truyền thống và các công cụ công nghệ hiện đại.

Một số phương pháp tương tác trong khoá học trực tuyến đồng thời:

Kiểm tra nhanh

- Tạo các câu hỏi nhỏ để kiểm tra nhanh.
- Sử dụng các công cụ như Menti, Kahoot, Quizz...

Phản hồi tức thì

- Khuyến khích người học đặt câu hỏi và trao đổi thông qua chat.
- Nhà giáo sẽ trả lời ngay hoặc thảo luận sau.

Thảo luận nhóm

- Chia lớp thành nhóm nhỏ để tăng tương tác và tham gia.
- Sử dụng chức năng chia nhóm trong các nền tảng trực tuyến.

Trò chơi

- Tạo các trò chơi học tập/hệ thống điểm thưởng để khuyến khích sự tham gia và động viên người học.

3. Tương tác trong khoá học trực tuyến không đồng thời

Trong lớp học trực tuyến không đồng thời, tương tác giữa nhà giáo và người học cần được thiết kế để đảm bảo rằng người học vẫn cảm thấy được kết nối và tham gia vào quá trình học tập.

Dưới đây là một số phương pháp tương tác hiệu quả trong môi trường học không đồng thời:



Các bài giảng ghi sẵn (video tương tác): Cung cấp các video bài giảng được ghi sẵn mà người học có thể xem vào bất kỳ thời điểm nào. Kết hợp các câu hỏi kiểm tra nhanh hoặc bài tập ngắn sau mỗi phần bài giảng để người học có thể kiểm tra mức độ hiểu biết của mình.



Tài nguyên học tập: Cung cấp một thư viện tài nguyên bao gồm tài liệu đọc thêm, video, podcast, và các tài liệu bổ sung khác mà sinh viên có thể truy cập bất cứ lúc nào. Việc này giúp sinh viên tự học và tìm hiểu sâu hơn về nội dung môn học.



Thực hiện các bài tập nhóm: Khuyến khích người học tham gia vào các dự án nhóm hoặc bài tập nhóm. Mặc dù học không đồng bộ, nhưng người học vẫn có thể làm việc cùng nhau thông qua các công cụ cộng tác trực tuyến như Google Docs, Slack, hoặc Trello.



Diễn đàn thảo luận: Tạo diễn đàn thảo luận trực tuyến cho người học đăng bài, đặt câu hỏi, và thảo luận về nội dung học. Nhà giáo hướng dẫn, khuyến khích cuộc thảo luận, giúp người học chia sẻ ý kiến và học hỏi.



Khuyến khích phản hồi và tự đánh giá: Đưa ra các bài tập tự đánh giá và yêu cầu người học cung cấp phản hồi về khóa học. Điều này không chỉ giúp người học tự đánh giá sự tiến bộ của mình mà còn giúp nhà giáo cải thiện chất lượng khóa học.



Truy vấn: Nhà giáo cung cấp các chủ đề và đường link, yêu cầu người học truy cập, tổng hợp thông tin, sau đó viết báo cáo tóm tắt thông tin thông qua các diễn đàn hoặc các công cụ chia sẻ.

4. Tương tác trong khoá học kết hợp

Các khóa học kết hợp là sự kết hợp học trực tuyến không đồng thời và buổi học trực tiếp, yêu cầu sự tương tác cẩn thận để đảm bảo trải nghiệm học tập hiệu quả. Theo đó, các kiến thức mang tính chất lý thuyết sẽ được thiết kế trên mội trường trực tuyến và áp dụng các hình thức tương tác cho khoá học trực tuyến không đồng thời, nhà giáo sử dung các buổi học trực tiếp cung cấp cơ hội quý báu để người học được giải đáp thắc mắc, tham gia thảo luận nhóm và nhận được sự hướng dẫn trực tiếp từ nhà giáo.

Dưới đây là các phương pháp tăng cường tương tác trong khoá học kết hợp:



Ý đồ sư phạm trong lớp học trực tiếp: Sử dụng thời gian trực tiếp để làm rõ các khái niệm phức tạp đã được giới thiệu trực tuyến, tham gia vào các cuộc thảo luận sâu và thực hiện các hoạt động thực hành mang lại lợi ích từ sự tương tác trực tiếp.



Kết hợp giữa học trực tuyến và trực tiếp: Giao bài tập hoặc tài liệu đọc trực tuyến giúp người học chuẩn bị cho các cuộc thảo luận sâu hơn hoặc hoạt động trong các buổi học trực tiếp. Sau các buổi học trực tiếp, yêu cầu người học viết nhật ký hoặc bài đăng thảo luận trực tuyến, liên kết lại với nội dung trực tuyến.



Tận dụng công nghệ: Trong các buổi học trực tiếp, sử dụng các công cụ như bỏ phiếu trực tiếp hoặc nền tảng Hỏi & Đáp để thu thập phản hồi thời gian thực và khuyến khích sự tham gia tích cực từ tất cả người học



Dự án hợp tác: Giao các dự án nhóm yêu cầu người học hợp tác trực tuyến và gặp gỡ trực tiếp, kết hợp tính linh hoạt của học không đồng bộ với tính tức thời của sự hợp tác trực tiếp.



Diễn đàn: Tạo các diễn đàn thảo luận nơi người học có thể tham gia vào các cuộc tranh luận suy nghĩ kỹ lưỡng, đặt câu hỏi và cung cấp ý kiến tại thời điểm thuận tiện. Điều này cho phép người học suy ngẫm trước khi tham gia.

THỰC HÀNH
TƯƠNG TÁC TRONG KHOÁ HỌC KẾT HỢP

1. Mục tiêu

- Người dạy thiết kế các hoạt động dạy và học phù hợp với khóa học kết hợp
- Phát triển kỹ năng lựa chọn và tổ chức các hoạt động tương tác hiệu quả trong môi trường kết hợp giữa học trực tuyến và học trực tiếp

2. Nội dung thực hành

01

Chọn nội dung phù hợp và thiết kế hoạt động trực tuyến.

- Liệt kê nội dung của bài học.
- Phân loại nội dung trực tuyến và trực tiếp
- Lựa chọn phần đánh giá
- Lựa chọn công cụ số phù hợp với từng hình thức

Mục tiêu học tập: .....

Phần trực tuyến	Phần trực tiếp	Đánh giá	Công cụ
....	....	....	....

02

Thiết kế tương tác

- Tương ứng với nội dung của từng phần, lựa chọn phương pháp tương tác

Mục tiêu học tập: .....

Nội dung	Phần trực tuyến	Phần trực tiếp	Công cụ
....	....	....	....

BÀI 6
CÔNG CỤ SỐ VÀ MỤC TIÊU HỌC TẬP

1. Lựa chọn công cụ số phù hợp với mục tiêu học tập

Bước 1. Phân loại công cụ số theo chức năng:

Dựa vào mục tiêu học tập, phân loại công cụ số theo các nhóm chức năng khác nhau như:



- **Công cụ hỗ trợ giao tiếp và hợp tác:** Zoom, Microsoft Teams, Google Meet để người học làm việc nhóm hoặc trao đổi trực tuyến.
- **Công cụ hỗ trợ quản lý học tập:** Google Classroom, Moodle giúp giám sát quá trình học tập và cung cấp tài liệu.
- **Công cụ hỗ trợ sáng tạo nội dung:** Canva, Google Slides giúp học sinh tạo bài thuyết trình hoặc dự án.
- **Công cụ đánh giá và kiểm tra:** Kahoot, Quizizz giúp kiểm tra và đánh giá kiến thức của học sinh.

Bước 2: Đánh giá tính phù hợp của công cụ:

Khi đã có danh sách công cụ, cần đánh giá xem công cụ nào phù hợp với mục tiêu học tập dựa trên các yếu tố:

Khả năng đáp ứng mục tiêu: Công cụ có giúp người học đạt được kỹ năng hoặc kiến thức đề ra không?

- Tính dễ sử dụng: Công cụ có thân thiện với người dùng, người học có thể dễ dàng sử dụng mà không cần quá nhiều hướng dẫn?
- Khả năng tương thích: Công cụ có tương thích với các thiết bị mà người học và người dạy sử dụng không?
- Chi phí: Công cụ có miễn phí hoặc có các gói giá phù hợp không?

Bước 3: Đánh giá & Điều chỉnh



- Xem xét lại hiệu quả sử dụng công cụ.
- Điều chỉnh hoặc thay đổi công cụ nếu cần thiết.

Mục tiêu học tập	Hoạt động học tập	Công cụ số	Mô tả chức năng
.....	.....	.....	.....
.....	.....	.....	.....
.....	.....	.....	.....
.....	.....	.....	.....

2. Tích hợp công cụ số vào hoạt động dạy và học

Việc tích hợp công cụ số vào hoạt động dạy và học không chỉ đơn thuần là sử dụng các công nghệ mới, mà còn phải đảm bảo rằng chúng được áp dụng một cách hiệu quả và liền mạch nhằm nâng cao chất lượng học tập. Dựa trên mục tiêu học tập, cần lựa chọn các công cụ phù hợp với từng hoạt động giảng dạy, sau đó hướng dẫn người học cách sử dụng các công cụ này. Tuy nhiên, khi tích hợp công cụ số vào hoạt động dạy và học, cần tuân thủ các nguyên tắc sau đây:



Tính năng đa dạng:
Sử dụng các công cụ công nghệ có tích hợp tính năng hỗ trợ cho người khuyết tật, chẳng hạn như chức năng đọc văn bản thành giọng nói, phụ đề tự động, và giao diện có thể điều chỉnh.
Ví dụ: Zoom hỗ trợ phụ đề trực tiếp, Google Docs có tính năng đọc nội dung cho học sinh khiếm thị.



Khả năng tiếp cận:
Đảm bảo rằng tất cả học sinh đều có quyền truy cập vào thiết bị và kết nối Internet để tham gia vào quá trình học tập trực tuyến. Tạo ra các phương án thay thế cho những học sinh không có thiết bị, chẳng hạn như cung cấp tài liệu học tập ngoại tuyến hoặc tổ chức các buổi học tại các trung tâm công nghệ.



Phù hợp với mọi đối tượng:
Cho phép người học học tập theo tốc độ và phong cách riêng của họ, chẳng hạn như cho phép học lại bài giảng qua video hoặc tham gia thảo luận nhóm ngoài giờ học.
Khuyến khích học sinh sử dụng các công cụ số để phản ánh phong cách học tập và nhu cầu cá nhân.

Tài liệu được xây dựng trong khuôn khổ Chương trình Đổi mới Giáo dục nghề nghiệp Việt Nam, Tổ chức Hợp tác Quốc tế Đức (GIZ) hỗ trợ bởi Bộ Hợp tác Kinh tế và Phát triển Liên bang Đức (BMZ)